

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bất động sản, chứng khoán với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, HSG

[Cập nhật công ty]

DPM

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, có thể giải ngân với tỷ trọng nhỏ khi các mã mục tiêu và chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ gần

01/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,258.28	+0.44
VN30	1,267.07	+0.10
HĐTL VN30F1M	1,266.80	+0.32
HNXIndex	236.43	+0.41
HNX30	509.98	+0.92
UPCoM	91.16	+0.58
USD/VND	24,649	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.33	-2
Lãi suất qua đêm (%)	1.43	-5
Dầu (WTI, \$)	78.09	-0.22
Vàng (LME, \$)	2,039.52	-0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,258.28 (+0.44%)
KLGD (triệu CP) 890.6 (-3.9%)
GTGD (triệu US\$) 962.8 (-9.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm bất động sản, chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng 200.83 tỷ đồng, tập trung tại SSI (+0.95%), MWG (+0.87%), VNM (-0.69%).

HNXIndex 236.43 (+0.41%)
KLGD (triệu CP) 104.8 (-3.6%)
GTGD (triệu US\$) 84.1 (+9.4%)

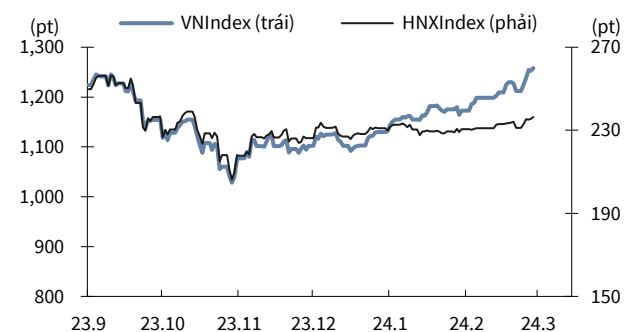
So với tháng 1/2023, trừ Thái Lan, xuất khẩu cá ngừ sang các thị trường còn lại đều tăng cao như Italy tăng gấp gần 5 lần, sang Israel tăng 43%, Libăng tăng gấp 13 lần. Cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ở VHC (+0.14%), IDI (+0.8%).

UPCoM 91.16 (+0.58%)
KLGD (triệu CP) 55.2 (+59.3%)
GTGD (triệu US\$) 21.4 (-2.2%)

Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 13 nhân dân tệ xuống mức 3,753 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h25 ngày 1/3 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-0.48%), POM (-0.94%).

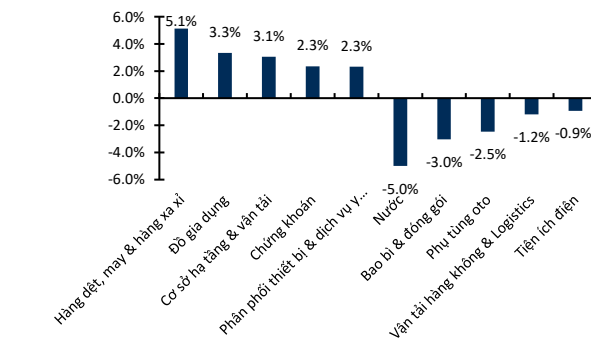
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +8.3

VNIndex & HNXIndex



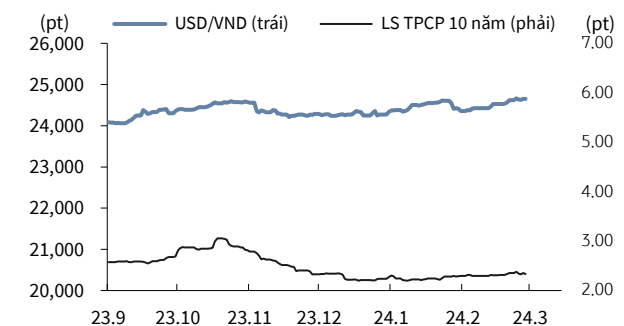
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



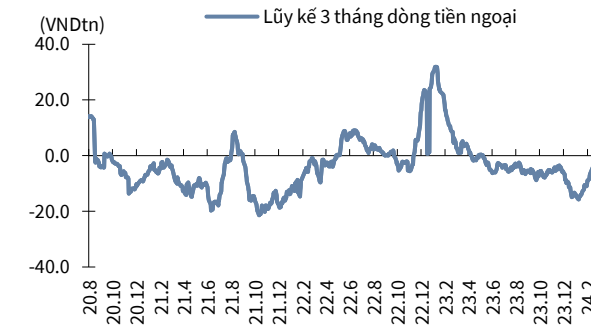
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

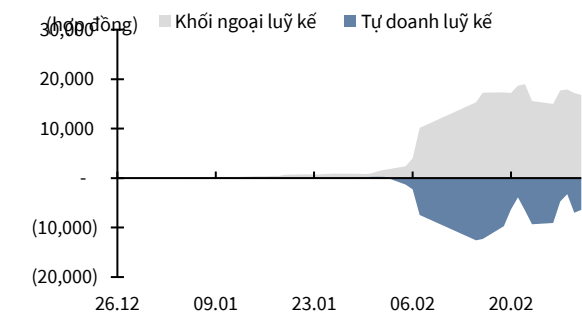
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,267.07 (+0.10%)
VN30F1M	1,266.8 (+0.32%)
Mở cửa	1,265.0
Cao nhất	1,269.0
Thấp nhất	1,259.1
KLGD (HĐ)	183,275 (-16.4%)

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2403 và VN30 mở cửa tại -2.95 điểm, sau đó biến động quanh mức -1.16 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -0.2699 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

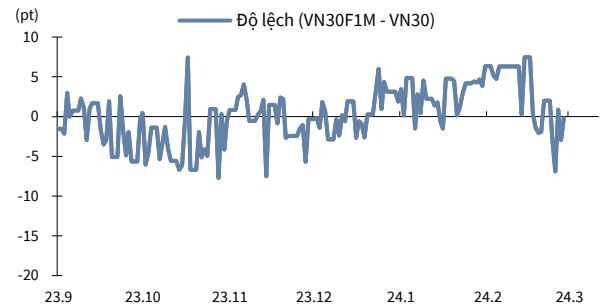
Khối ngoại bán ròng 379 HĐTL VN30F2403 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 16,824 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 558 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 6,452 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



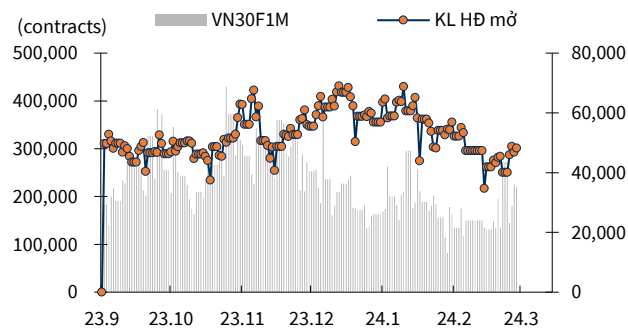
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



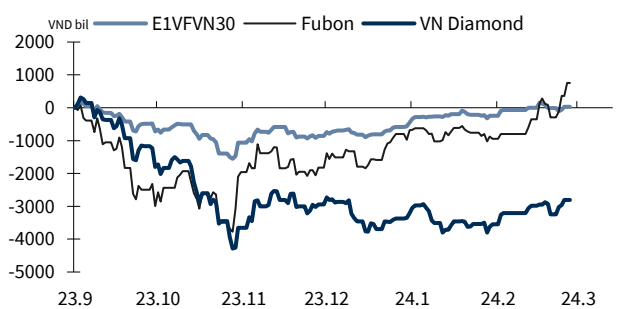
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

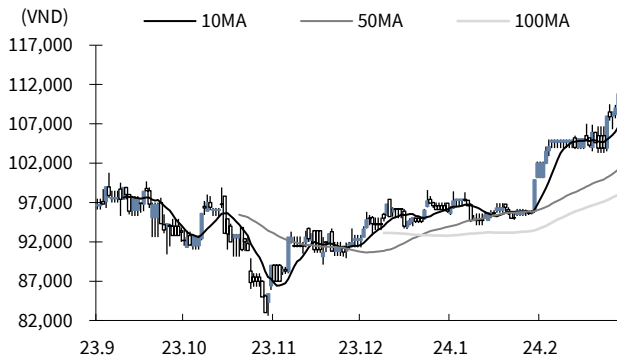
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

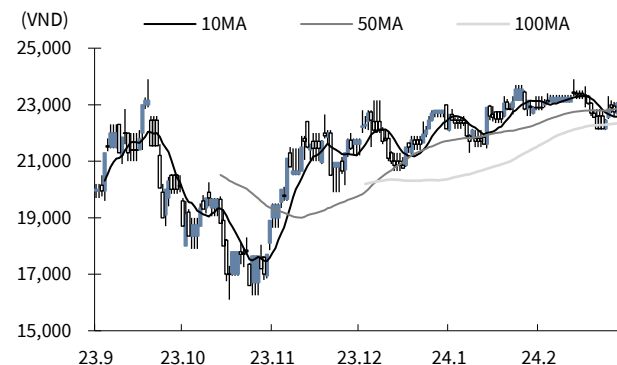
CTCP Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 1.65% lên 110,800 VND/cp
- Ngày 1/3, Tập đoàn FPT (HOSE: FPT) công bố mua 100% vốn của Next Advanced Communications NAC Co., Ltd. (NAC). Theo FPT, thương vụ này giúp Tập đoàn tiến gần tới mục tiêu doanh thu 1 tỷ USD từ thị trường Nhật Bản vào năm 2027 và có hơn một nửa số nhân viên tại đây là người nước ngoài. Được biết, NAC được thành lập vào ngày 31/03/2011 và là doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chính gồm tiếp thị, hỗ trợ tư vấn, quy hoạch hệ thống và thiết kế, phát triển, vận hành và bảo trì hệ thống.

CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 1.32% lên 23,050 VND/cp
- CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG) vừa cập nhật, bổ sung văn kiện ĐHCĐ thường niên niên độ tài chính 2023-2024. Trong đó, công ty bổ sung tờ trình về việc thông qua chủ trương mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý chủ chốt. Cụ thể, Hoa Sen dự kiến phát hành 5 triệu cổ phiếu với giá phát hành 10.000 đồng/cp, thấp hơn 55% so với giá trên sàn hiện nay. Đối tượng phát hành là cán bộ lãnh đạo, quản trị, điều hành và cán bộ quản lý, nhân sự chủ chốt khác thuộc tập đoàn. Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm.

COMPANY REPORT



29/02/2024

Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

Tiềm năng hồi phục nhờ giá ure cải thiện

Chuyên viên phân tích Phạm Minh Hiếu
hieupm@kbsec.com.vn

KQKD năm 2023 suy giảm mạnh từ mức nền cao năm ngoái

Nhu cầu trồng trọt toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong năm 2024

Kỳ vọng chi phí khí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu yếu đi

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu là 41,800 VNĐ/cổ phiếu

Doanh thu 2023 của DPM giảm mạnh 27% yoy do giá bán các loại phân giảm sâu từ mức nền cao năm 2022 trong khi sản lượng bán hàng không hồi phục đủ để bù đắp. Điểm sáng lớn nhất trong hoạt động của DPM là việc công ty đã trả hết gốc nợ vay ngắn và dài hạn, khiến chi phí tài chính giảm 16.5% yoy.

Giá lúa gạo, lúa mì và ngô trong năm 2023 vẫn duy trì ở mức cao so với trung bình 10 năm. Nguồn cung của các sản phẩm trên đang ở trong trạng thái thắt chặt nếu so sánh tương quan với nhu cầu tiêu thụ toàn cầu trong 7 năm trở lại đây. Do vậy, chúng tôi cho rằng các quốc gia sẽ có động lực để gia tăng sản lượng nông sản, từ đó đẩy mạnh nhu cầu tiêu thụ và hỗ trợ giá phân ure.

Chúng tôi kỳ vọng El Nino sẽ đạt đỉnh trong 1Q2024, sau đó yếu dần và chuyển sang các pha trung tính và La Nina trong phần lại của năm. Do đó, chúng tôi cho rằng hiện tượng tranh chấp nguồn khí đầu vào giữa các doanh nghiệp điện khí và đạm sẽ bớt nghiêm trọng hơn so với năm 2023. Chúng tôi dự báo chi phí khí thiên nhiên đầu vào cho DPM có thể giảm nhẹ khoảng 3% yoy trong cả năm 2024.

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền doanh nghiệp (FCFF) để đưa ra khuyến nghị MUA cho DPM với mức giá mục tiêu là 41,800 VNĐ/cổ phiếu, tương đương với mức sinh lời 20.3% so với giá đóng cửa 34,750 VNĐ/cổ phiếu ngày 29/02/2024. Lợi suất cổ tức kỳ vọng đạt 5.8%.

MUA Thay đổi

Giá mục tiêu	41,800 VND
Tăng/giảm (%)	20.3%
Giá hiện tại (29/02/2024)	34,750 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	32,600 VND
Vốn hóa (tỷ VNĐ/tr. USD)	13,403/559

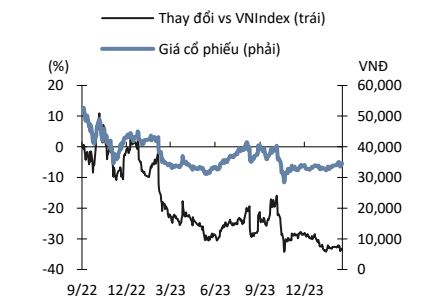
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	36.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/tr. USD)	59.5/2.5
Sở hữu nước ngoài (%)	9.0%
Cổ đông lớn	Petrovietnam (59.6%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4.7	4.4	-3.8	-1.7
Tương đối	0.6	-6.5	-6.5	-18.0

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2022A	2023	2024F	2025FA
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	18,627	13,569	14,209	13,617
Lãi/lỗ từ HĐKD	6,304	302	1,166	972
Lợi nhuận của công ty mẹ (tỷ VNĐ)	5,565	533	1,229	1,062
EPS (VNĐ)	13,897	1,063	2,501	2,161
Tăng trưởng EPS (%)	79.3	-92.4	135.0	-14.0
P/E (x)	2.5	32.2	13.7	15.9
P/B (x)	1.0	1.3	1.2	1.2
ROE (%)	39.8	4.7	10.6	9.1
Tỷ suất cổ tức (%)	14.7	20.4	5.8	5.8

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex vận động với xu hướng giằng co trong hầu hết phiên giao dịch, trước khi đà hồi phục dần mở rộng về cuối phiên.
- Với việc hình thành mẫu nến Dragonfly doji cho thấy phe bán hầu hết chiếm ưu thế trong phiên giao dịch, tuy nhiên lực cầu gia tăng áp đảo trở lại về cuối phiên đã giúp chỉ số tránh được một phiên giảm sâu. Mặc dù nhiều khả năng VNIndex sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực rung lắc quanh ngưỡng 1255 (+5), lực cầu được kỳ vọng sẽ cho phản ứng gia tăng trở lại quanh các vùng hỗ trợ gần quanh 1215 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng sớm, có thể giải ngân với tỷ trọng nhỏ khi các mã mục tiêu và chỉ số quay xuống các vùng hỗ trợ gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1285 – 1287

Kháng cự gần: 1272 – 1275

Hỗ trợ gần: 1246 – 1250

Hỗ trợ xa: 1224 – 1230

- VNIndex vận động với xu hướng giằng co trong hầu hết phiên giao dịch, trước khi đà hồi phục dần mở rộng về cuối phiên.
 - Việc hình thành mẫu nến spinning với biên độ dao động nằm trong toàn bộ thân nến phiên hôm qua, đi kèm thanh khoản giảm cho thấy trạng thái giao dịch cả 2 bên tương đối giằng co, lưỡng lự. Tuy nhiên, bóng nến dưới dài hơn phần nào thể hiện sự quyết liệt của phe mua. Mặc dù nhiều khả năng F1 sẽ tiếp tục đối mặt với áp lực rung lắc quanh ngưỡng 1265 (+/-5), lực cầu được kỳ vọng sẽ cho phản ứng gia tăng trở lại quanh các vùng hỗ trợ.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ, Short tại kháng cự.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở Short quanh các ngưỡng kháng cự
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

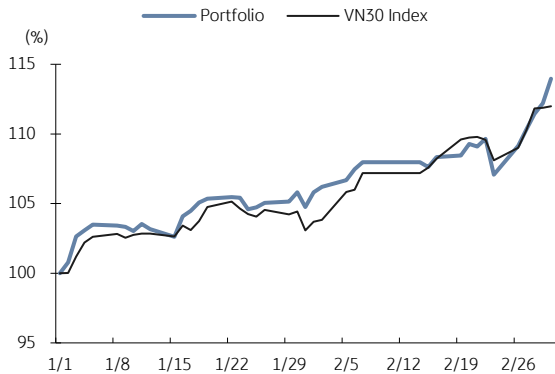
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.10%	1.57%
Tăng lũy kế (YTD)	11.99%	13.96%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	37,350	0.9%	45.0%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
VN Rubber Group (GVR)	02/01/2024	29,150	1.9%	29.8%	- Giá và sản lượng cao su GVR trong 2024 dự kiến giữ đà tăng trưởng - Nam Tân Uyên 3 là động lực tăng trưởng KCN của GVR trong ngắn và trung hạn - GVR liên tục phát triển thêm các dự án mới, mở rộng quỹ đất KCN
FPT (FPT)	01/02/2024	110,800	1.7%	14.3%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PV Trans (PVT)	02/01/2024	27,100	1.1%	4.6%	- Bất ổn tại những nút giao thương hàng hóa trọng yếu có thể gây áp lực giá cước vận tải - Ghi nhận doanh thu cả năm cho các tàu mua từ 2023 - Kỳ vọng mở rộng thêm đội tàu trong 2024
PV Drilling (PVD)	02/01/2024	31,800	2.9%	15.0%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	02/01/2024	21,400	0.5%	5.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
PC1 Group (PC1)	02/01/2024	28,400	2.3%	-5.3%	- Xây lắp điện được dự báo hồi phục với động lực chính từ các dự án thuộc EVN - Sản lượng mảng NLTT kỳ vọng ổn định hơn từ 3Q2024 trở đi giúp cải thiện lợi nhuận
Viettelpost (VTP)	02/01/2024	78,400	0.0%	#VALUE!	- VTP kỳ vọng cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng dịch vụ dù áp lực giảm giá cước vẫn cao - Thị trường chuyển phát nhanh Việt Nam dự báo tăng trưởng CAGR 24%/năm - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần lên 21%
Coteccons (CTD)	01/02/2024	69,000	3.4%	0.3%	- Mảng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Mobile World (MWG)	01/02/2024	46,600	0.9%	8.1%	- Tiếp tục cuộc chiến giá ở mảng ICT&CE, đánh đổi lợi nhuận để chiếm thêm thị phần - Bách Hoá Xanh có nhiều tín hiệu tích cực, kỳ vọng là động lực tăng trưởng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	0.9%	44.8%	139.1
SSI	1.0%	43.2%	128.9
VIX	3.3%	8.3%	127.8
STB	1.3%	23.8%	107.5
GEX	2227.7%	10.1%	85.6
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFVND	-0.8%	96.5%	-197.9
VNM	-0.7%	52.9%	-135.0
HPG	-0.5%	24.9%	-88.9
VHM	1.3%	22.4%	-41.2
FRT	-2.8%	35.7%	-40.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	1.7%	9.4%	41.3
DHT	0.4%	35.5%	5.9
DTD	4.3%	3.0%	5.7
PLC	3.8%	1.0%	0.4
TTH	-1.9%	0.3%	0.2
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.3%	18.9%	-38.1
IDC	0.0%	2.0%	-7.4
CEO	1.8%	5.6%	-2.4
MBS	1.8%	0.8%	-2.4
VCS	1.7%	2.5%	-1.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	12.7%	TNH, JVC, VMD
Chứng khoán	9.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Đồ gia dụng	9.5%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hóa chất	8.8%	GVR, DGC, DPM, DCM
Cơ sở hạ tầng & vận tải	8.2%	GMD, LGC, CII, HAH
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Nước	-4.5%	BWE, TDM, SII, CLW
Thương mại & phân phối	-1.3%	VPK, TSC, BTT, TNA
Tiện ích điện	-0.7%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng không dân dụng	-0.4%	VJC, HVN
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.3%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Hóa chất	23.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Công nghệ	15.5%	FPT, CMG, ELC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	13.7%	TNH, JVC, VMD
Bán lẻ hàng chuyên dụng	11.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Tập đoàn công nghiệp	10.6%	REE, BCG, PET, EVG
	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Nước	-2.9%	BWE, TDM, SII, CLW
Thương mại & phân phối	-1.4%	VPK, TSC, BTT, TNA
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.3%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng không dân dụng	-1.1%	VJC, HVN
Tiện ích điện	0.7%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USD mn)	GTGD (VNĐ triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	217,348 (8.9)	22.5	97.7	31.0	14.7	0.6	2.6	1.5	1.5	0.6	0.1	6.8	1.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	342,206 (13.9)	26.6	6.2	6.0	35.9	15.6	14.5	0.9	0.8	1.3	1.5	6.7	1.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	354,616 (14.4)	17.8	14.6	12.7	-7.6	11.2	11.2	1.5	1.4	0.6	4.7	17.7	14.4
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	482,866 (19.7)	31.3	-	34.2	6.7	-0.7	2.9	0.9	0.9	1.2	1.8	3.6	1.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	97,211 (4.0)	11.6	31.0	27.9	13.7	7.0	7.5	2.0	2.0	0.9	10.1	14.6	11.3
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	172,576 (7.0)	13.9	48.4	32.2	-	2.7	3.7	1.2	1.2	1.1	2.2	-0.8	-4.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	134,971 (5.5)	6.3	15.5	14.0	11.7	19.3	18.1	2.7	2.3	0.0	9.4	8.4	21.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	104,072 (4.2)	12.7	15.3	9.9	-5.3	19.5	20.4	2.2	1.9	0.9	2.9	13.2	23.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	339,047 (13.8)	0.0	6.6	5.4	14.3	16.1	16.8	1.0	0.8	-0.8	4.4	22.5	31.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	367,288 (15.0)	1.4	8.8	7.0	50.3	17.0	18.4	1.3	1.1	0.1	1.1	11.1	31.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	297,262 (12.1)	0.0	10.6	7.6	18.8	11.2	13.5	1.1	1.0	-1.3	0.8	2.6	2.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	526,990 (21.5)	0.0	5.4	4.3	14.6	22.8	23.1	1.1	0.9	-0.6	0.4	9.6	28.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	152,748 (6.2)	4.2	5.8	5.6	23.3	22.7	19.9	1.2	1.1	0.0	3.6	6.9	14.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	660,940 (26.9)	14.0	7.5	4.3	26.5	19.5	25.1	1.1	0.9	1.3	4.2	7.2	14.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	327,894 (13.4)	0.0	7.1	5.5	37.4	17.3	19.0	1.1	1.0	0.0	3.9	11.2	14.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	253,215 (10.3)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.8	-0.5	-1.9	-0.5
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	18,983 (0.8)	21.0	18.6	-	15.8	7.8	-	-	-	-0.2	2.0	3.8	8.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	6,877 (0.3)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.7	2.7	5.5	8.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	852,471 (34.7)	55.4	24.9	-	-3.2	9.8	-	-	-	0.9	9.4	7.8	13.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	312,958 (12.8)	71.9	28.9	21.4	-4.0	13.4	14.2	3.1	3.0	2.7	7.6	8.3	9.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	258,364 (10.5)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.3	7.0	6.0	19.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	626,178 (25.5)	27.2	20.0	15.0	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	2.4	5.2	6.7	4.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	316,034 (12.9)	42.1	16.9	15.0	4.0	29.4	30.8	4.6	4.4	-0.7	0.7	5.9	5.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	63,504 (2.6)	36.9	18.0	17.5	7.3	17.5	16.9	2.9	2.8	0.2	2.8	1.9	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	226,730 (9.2)	16.5	44.8	21.5	-51.9	9.3	17.2	3.6	3.1	0.1	5.7	8.3	5.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	26,063 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-3.3	-8.9	-12.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	67,208 (2.7)	11.0	24.4	15.0	-88.5	13.7	17.9	3.1	2.5	0.2	-0.5	-2.1	-4.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	106,360 (4.3)	10.8	20.5	17.9	-57.0	12.7	13.8	2.6	2.4	5.9	15.3	16.7	14.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	221,998 (9.1)	38.4	24.1	-	65.7	3.8	-	-	-	2.4	3.3	4.1	9.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	362,274 (14.8)	37.7	27.7	22.8	-14.4	8.9	7.2	1.5	1.5	4.0	6.2	8.2	-1.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	148,785 (6.1)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	3.4	4.9	2.7	0.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	50,412 (2.1)	0.0	10.3	9.2	-4.5	12.2	13.9	1.2	1.2	1.8	6.5	12.5	9.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	80,719 (3.3)	46.1	-	12.0	-17.5	-	-	2.3	2.1	0.3	1.6	2.8	2.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,118 (0.9)	31.4	-	15.6	-10.5	-6.0	12.7	-	-	1.4	1.6	1.2	6.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,191 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.4	-0.4	0.7	-6.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	802,317 (32.7)	18.0	13.8	9.4	21.9	11.7	15.7	1.6	1.4	-0.5	8.6	10.8	10.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	83,483 (3.4)	36.5	14.9	18.1	-0.5	8.0	7.5	1.2	1.1	1.0	4.5	6.0	5.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	171,300 (7.0)	46.5	11.5	-	-4.5	15.4	18.5	-	-	1.3	3.6	5.9	5.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	233,518 (9.5)	38.9	17.3	13.2	67.9	7.5	10.5	1.3	1.2	1.3	4.1	0.7	1.1
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	53,554 (2.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	4.2	4.2	19.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	31,505 (1.3)	4.6	13.9	13.0	-51.0	12.2	12.2	1.7	1.6	0.1	2.3	3.8	4.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	181,970 (7.4)	39.9	20.0	14.9	-11.9	6.0	7.6	1.1	1.1	2.9	12.2	15.4	12.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	87,964 (3.6)	35.9	7.8	6.4	2.2	16.2	16.5	1.2	1.0	1.1	3.8	3.6	2.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	463,180 (18.9)	0.0	25.6	16.9	14.4	8.0	12.4	2.7	2.4	0.9	5.9	0.9	8.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	121,274 (4.9)	0.0	14.9	12.6	2.4	21.0	21.8	2.9	2.5	5.9	9.0	4.4	11.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	15,618 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	1.4	1.4	-10.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	73,133 (3.0)	30.3	59.2	35.0	-75.2	19.0	-	9.9	-	-2.8	7.7	19.3	31.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	31,299 (1.3)	34.6	19.1	-	41.2	11.7	-	-	-	1.3	2.4	4.4	13.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,503 (0.1)	45.4	15.2	-	10.7	19.5	-	-	-	-0.1	0.4	2.7	4.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	310,351 (12.7)	0.0	18.7	15.4	15.5	29.4	29.8	4.9	4.1	1.7	6.6	10.9	15.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.